



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Giảng viên: Nguyễn Thị Mai Huyền

1

1



CHƯƠNG 6

QUỸ ĐẦU TƯ

2

2



6.3 QUỸ ĐẦU TƯ

6.3.1 Khái niệm, vai trò quỹ đầu tư

6.3.2 Các loại hình quỹ đầu tư

6.3.3 Cơ cấu tổ chức quỹ đầu tư

6.3.4 Nghiệp vụ cơ bản của quỹ đầu tư

3

3

6.3.1 Khái niệm, vai trò quỹ đầu tư

Khái niệm

Quỹ đầu tư được coi là một phương tiện đầu tư tập thể, là một tập hợp tiền của các nhà đầu tư và được ủy thác cho các nhà quản lý quỹ đầu tư chuyên nghiệp tiến hành đầu tư để mang lại lợi nhuận cao nhất cho những người góp vốn.

(Giáo trình những vấn đề cơ bản về chứng khoán & TTCK – TTNC & BDNVCK – UBCKNN)

4

4

6.3.1 Khái niệm, vai trò quỹ đầu tư

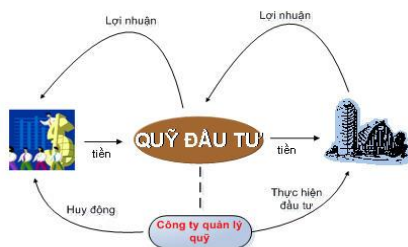
Quỹ đầu tư chứng khoán là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích thu lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc vào các tài sản khác, kể cả bất động sản, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.

(Khoản 37, Điều 4, Luật chứng khoán 2019)

5

5

6.3.1 Khái niệm, vai trò quỹ đầu tư



Hình 6.1: Nguyên tắc hoạt động của quỹ đầu tư

6

6



6.3.1 Khái niệm, vai trò quỹ đầu tư

Vai trò của quỹ đầu tư

- Giảm thiểu rủi ro nhờ đa dạng hóa danh mục đầu tư
- Quản lý chuyên nghiệp
- Giảm chi phí hoạt động
- Tính thanh khoản của chứng chỉ quỹ

7

7



6.3.2 Các loại hình quỹ đầu tư

☐ Theo nguồn vốn huy động

- Quỹ công chúng (Public Fund)
- Quỹ thành viên (Private Fund)

☐ Theo cơ cấu tổ chức & hoạt động của quỹ

- Quỹ đầu tư dạng công ty
- Quỹ đầu tư dạng hợp đồng

8

8



6.3.2 Các loại hình quỹ đầu tư

☐ Theo cấu trúc vận động vốn

- Quỹ đóng (Closed-end Fund)
- Quỹ mở (Open-end-fund)

☐ Theo công cụ đầu tư

- Quỹ đầu tư cổ phiếu (Stock Fund)
- Quỹ đầu tư trái phiếu (Bond Fund)
- Quỹ đầu tư thị trường tiền tệ (Money Market Fund)

9

9



6.3.2 Các loại hình quỹ đầu tư

Theo mục tiêu đầu tư

- Quỹ tăng trưởng (Growth Fund)
- Quỹ thu nhập cao (High Yield Fund)
- Quỹ cân bằng (Balanced Fund)
- Quỹ đầu tư mạo hiểm (Aggressive Growth Fund)

10



Theo nguồn vốn huy động

Quỹ đầu tư đại chúng (Public fund)

Quỹ đại chúng là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

(Khoản 38 Điều 4 Luật chứng khoán 2019)

11



Theo nguồn vốn huy động

Quỹ thành viên (Private fund)

Quỹ thành viên là quỹ đầu tư chứng khoán có số thành viên tham gia góp vốn từ 02 đến 99 thành viên và chỉ bao gồm thành viên là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

(Khoản 41, Điều 4, Luật chứng khoán 2019)

12



Theo cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ

- Quỹ đầu tư dạng công ty
- Quỹ đầu tư dạng hợp đồng

13

13



Quỹ đầu tư dạng công ty

Công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức theo loại hình công ty cổ phần để đầu tư chứng khoán. Công ty đầu tư chứng khoán có hai hình thức là công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

(Khoản 1, Điều 114, Luật chứng khoán 2019)

14

14



Quỹ đầu tư dạng công ty

- Là loại quỹ đầu tư được thành lập theo mô hình công ty cổ phần.
- Công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần

(Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

15

15



Quỹ đầu tư dạng công ty

Công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần. Công ty đầu tư chứng khoán có hai hình thức:

- a) Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ là công ty đầu tư chứng khoán có tối đa 99 cổ đông, trong đó giá trị vốn góp đầu tư của cổ đông tổ chức tối thiểu phải là 03 tỷ đồng và của cá nhân tối thiểu phải là 01 tỷ đồng;
- b) Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là công ty đầu tư chứng khoán thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

(Khoản 11 Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

16

16



Quỹ đầu tư đang hợp đồng

Quỹ đầu tư dạng hợp đồng là loại quỹ đầu tư không có tư cách pháp nhân. Quỹ được thành lập do các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức góp vốn vào quỹ và ủy thác quản lý cho công ty quản lý quỹ đầu tư. Xác nhận vốn góp được gọi là chứng chỉ quỹ đầu tư.

17

17



Quỹ đầu tư dạng hợp đồng

Ở Việt Nam theo quy định hiện hành của Luật Chứng Khoán 2006 & các văn bản khác, thuật ngữ “Quỹ đầu tư” được hiểu là quỹ đầu tư dạng hợp đồng. Loại hình quỹ này có thể tổ chức dưới dạng: quỹ công chúng hoặc quỹ thành viên; quỹ đóng hoặc quỹ mở.

18

18

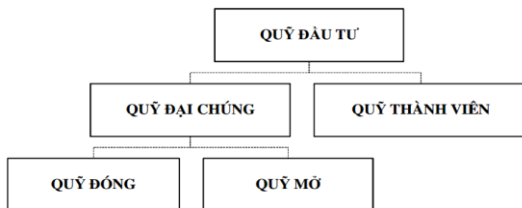
Theo cấu trúc vận động của vốn

- Quỹ đóng (Closed-end Fund)
- Quỹ mở (Open-end-fund)

19

19

Theo cấu trúc vận động của vốn



20

20

Quỹ đóng (Closed-end Fund)

Quỹ đóng là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

(Khoản 40, Điều 4, Luật chứng khoán 2019)

21

21



Quỹ đóng (Closed-end Fund)

Đặc điểm:

- Không phát hành cổ phần/chứng chỉ quỹ một cách liên tục
- Chứng chỉ quỹ đóng không được hoàn lại (quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư)
- Quy mô vốn được giữ ổn định trong suốt thời gian hoạt động của quỹ

22

22



Quỹ đóng (Closed-end Fund)

Đặc điểm:

- Sau khi phát hành lần đầu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trên thị trường thứ cấp
- Nhà đầu tư rút vốn bằng cách bán lại cho nhà đầu tư khác trên thị trường thứ cấp
- Giá cổ phần quỹ do cung cầu thị trường quyết định và thường xoay xung quanh giá trị tài sản ròng của 1 cổ phần quỹ (NAV/CP)

23

23



Quỹ mở (Open-End fund)

Quỹ mở là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

(Khoản 39, Điều 4, Luật chứng khoán 2019)

24

24



Quỹ mở (Open-End fund)

Đặc điểm:

- Phát hành chứng chỉ quỹ mới một cách liên tục
- Chứng chỉ quỹ mở được hoàn lại (quỹ phải mua lại cổ phần quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư)
- Chứng chỉ của quỹ không được giao dịch trên thị trường thứ cấp

25

25



Quỹ mở (Open-End fund)

Đặc điểm:

- Nhà đầu tư rút vốn bằng cách bán lại chứng chỉ trực tiếp cho quỹ
- Quy mô vốn có thể tăng giảm liên tục
- Giá giao dịch cổ phần quỹ mở được tính theo NAV/CP cộng tỷ lệ phí nếu NĐT mua và trừ tỷ lệ phí nếu NĐT bán

26

26



Hình 6.1: Các quỹ mở đang hoạt động tại TTCK Việt Nam năm 2016

Hình thức quỹ mở		
TRÁI PHIẾU	CÂN BẰNG	CỔ PHIẾU
VFF	ENF	SSI-SCA
	VCBF – TBF	MAFEQI
	VFMVF1	VFMVF4
		VCBF – BCF
		VEOF

Nguồn: <http://cafef.vn/diem-mat-hoat-dong-cua-cac-quy-mo-tren-ttck-viet-nam-20160527104703358.chn>

27

27



Phân biệt Quỹ đóng và Quỹ mở

Đặc điểm	Quỹ ĐT dạng đóng	Quỹ ĐT dạng mở
Phát hành CCQ	Không liên tục	Liên tục
Mua lại CCQ	Không	Có
Số lượng CCQ hiện hành	Cố định	Thay đổi
Giá bán	Phụ thuộc vào cung cầu	Bảng NAV ± phí
Thị trường giao dịch	Thị trường thứ cấp (SGDCK hoặc OTC)	Mua bán trực tiếp với quỹ

28

28



Theo công cụ đầu tư

- Quỹ đầu tư cổ phiếu (Stock Fund)
- Quỹ đầu tư trái phiếu (Bond Fund)
- Quỹ đầu tư thị trường tiền tệ (Money Market Fund)

29

29



Theo công cụ đầu tư

Quỹ đầu tư cổ phiếu (Stock fund): là quỹ đầu tư có phần lớn tài sản của quỹ được phân bổ vào cổ phiếu.

Quỹ đầu tư trái phiếu (Bond fund): là quỹ đầu tư vào chủ yếu trái phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

30

30



Theo công cụ đầu tư

Quỹ đầu tư trên thị trường tiền tệ: là một loại quỹ hỗ tương (Mutual Fund) tập trung đầu tư vào các công cụ tài chính ngắn hạn và có tính an toàn cao như: tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi...

31

31



6.3.2 Các loại hình quỹ đầu tư

☐ Theo mục tiêu đầu tư

- Quỹ tăng trưởng (Growth Fund)
- Quỹ thu nhập cao (High Yield Fund)
- Quỹ cân bằng (Balanced Fund)
- Quỹ đầu tư mạo hiểm (Aggressive Growth Fund)

32

32



Theo mục tiêu đầu tư

- **Quỹ tăng trưởng (Growth fund):** là quỹ đầu tư chủ yếu vào việc tìm kiếm sự tăng trưởng vốn trong trung và dài hạn. Quỹ thường ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có tiềm năng tăng trưởng cao.
- **Quỹ thu nhập (Income fund):** là quỹ đầu tư đặt mục tiêu chủ yếu là tìm kiếm thu nhập thường xuyên cao. Quỹ thường ưu tiên đầu tư vào các loại công cụ nợ, cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu có mức chi trả cổ tức cao...

33

33



Theo mục tiêu đầu tư

- **Quỹ cân bằng (Balanced fund):** là quỹ đầu tư nhắm đến sự cân bằng giữa các mục tiêu thu nhập, tăng trưởng và bảo toàn vốn, tức là kết hợp một cách hợp lý các loại cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ thị trường tiền tệ trong danh mục đầu tư của mình với mục tiêu tìm kiếm thu nhập thường xuyên, bảo toàn vốn và mức tăng trưởng vừa phải.

34

34



Theo mục tiêu đầu tư

- **Quỹ đầu tư mạo hiểm** là quỹ nhắm đến lãi vốn cao nhất và không ngại rủi ro khi lựa chọn các khoản đầu tư.
 - Danh mục: cổ phiếu IPOs của các công ty nhỏ, các công cụ phái sinh, hay sử dụng đòn bẩy để gia tăng lợi nhuận.
 - Đối với “Venture Capital Fund” – là quỹ sẵn sàng đầu tư vào các công ty mới thành lập (Start-up firm) và các công ty nhỏ. Đồng thời quỹ cũng có thể cung cấp các hỗ trợ về quản trị và kỹ thuật cho công ty.

35

35



6.3.3 Cơ cấu tổ chức quỹ đầu tư

- ☐ Nhà đầu tư
- ☐ Đại hội nhà đầu tư/ đại hội cổ đông
- ☐ Ban đại diện quỹ/ Hội đồng quản trị
- ☐ Công ty quản lý quỹ
- ☐ Ngân hàng giám sát
- ☐ Các cơ quan quản lý
- ☐ Tổ chức kiểm toán và các tổ chức khác

36

36



Nhà đầu tư

Nhà đầu tư là người góp vốn thành lập quỹ, sở hữu các tài sản của quỹ, thụ hưởng kết quả đầu tư của quỹ thông qua việc mua chứng chỉ quỹ, nhà đầu tư có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

37

37



Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư không được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với tài sản trong danh mục, mà thực hiện thông qua cơ quan đại diện cho nhà đầu tư.
- Các cơ quan đại diện cho nhà đầu tư:
 - Đại hội cổ đông/ Đại hội nhà đầu tư
 - Ban đại diện quỹ/ Hội đồng quản trị

38

38



Nhà đầu tư

Quyền của nhà đầu tư tham gia vào quỹ đầu tư chứng khoán:

- Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát mua lại chứng chỉ quỹ mới;

39

39



Nhà đầu tư

Quyền của nhà đầu tư:

- **Hưởng lợi** từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán **tương ứng** với tỷ lệ vốn góp;
- **Hưởng các lợi ích và tài sản** được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
- **Yêu cầu** công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán **mua lại chứng chỉ quỹ** mở;
- **Khởi kiện** công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- **Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ** theo quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

(Khoản 1 Điều 101 Luật chứng khoán 2019)

40



Nhà đầu tư

Nghĩa vụ của nhà đầu tư:

- Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ;
- Các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

(Khoản 2 Điều 101 Luật chứng khoán 2019)

41



Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội cổ đông

Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gồm tất cả nhà đầu tư góp vốn vào quỹ, nắm giữ chứng chỉ quỹ, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ.

42



Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội cổ đông

Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán cổ
các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thay đổi mức phí trả cho công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;

43

43



Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội cổ đông

Quyền và nhiệm vụ của đại hội NĐT:

- Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Hợp đồng giám sát; quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;

44

44



Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội cổ đông

Quyền và nhiệm vụ của đại hội NĐT:

- Quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán và giải thể quỹ đầu tư chứng khoán;

45

45



Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội cổ đông

Quyền và nhiệm vụ của đại hội NĐT:

- Quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ đầu tư chứng khoán;

46

46



Ban đại diện quỹ/ Hội đồng quản trị

Ban đại diện quỹ đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, do đại hội nhà đầu tư bầu. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ được quy định tại điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

47

47



Ban đại diện quỹ/ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện cho các chủ sở hữu do các cổ đông bầu ra trong mô hình quỹ đầu tư dạng công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất trong việc điều hành và giám sát hoạt động của quỹ đầu tư.

48

48



Ban đại diện quỹ/ Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ:

- Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư
- Quyết định mức cổ tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận
- Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

(Khoản 3 Điều 15 Thông tư 227/2012/TT-BTC và Khoản 9 Điều 15 Thông tư 224/2014/TT-BTC)

49

49



Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(Khoản 3 Điều 2 Thông tư 212/2012/TT-BTC)

50

50



Công ty quản lý quỹ

Ngoại trừ công ty quản lý quỹ được cấp phép, các tổ chức khác không được tiếp nhận vốn, tài sản ủy thác để quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; không được huy động vốn và tài sản để thành lập, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

(Khoản 2 Điều 1 Thông tư 212/2012/TT-BTC)

51

51



Công ty quản lý quỹ

Hoạt động của công ty quản lý quỹ:

- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán là việc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện quản lý theo ủy thác của từng nhà đầu tư trong mua, bán, nắm giữ chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán là việc công ty chứng khoán cung cấp cho nhà đầu tư kết quả phân tích, công bố báo cáo phân tích và khuyến nghị liên quan đến chứng khoán;
- Quản lý quỹ đầu tư: huy động, quản lý vốn và tài sản cho quỹ và đầu tư theo ủy thác.

52

52



Công ty quản lý quỹ

Trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ:

(Xem Điều 24 Thông tư 212/2012/TT-BTC)

53

53



Công ty quản lý quỹ

Các khoản phí thu được:

- *Phí quản lý*: là phí nhận được do cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
- *Phí phát hành*:
 - ✓ Đối với quỹ đóng, quỹ thành viên: nhận được do đã thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ. Tỷ lệ phí được tính trên tổng giá trị mệnh giá của CCQ
 - ✓ Đối với quỹ mở: là khoản mà nhà đầu tư trả cho CTQLQ khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ % trên NAV của 1 CCQ

54

54



Công ty quản lý quỹ

Các khoản phí thu được:

- *Phí thưởng*: loại phí mà quỹ đầu tư trả cho CTQLQ đóng nếu NAV trong giai đoạn tính thưởng vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ.

55

55



Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.

(Khoản ,1 Điều 116, Luật chứng khoán 2019)

56

56



Ngân hàng giám sát

Chức năng của Ngân hàng giám sát:

- Chức năng lưu ký và bảo quản tài sản của quỹ đầu tư
- Chức năng giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ

57

57



Ngân hàng giám sát

Chức năng lưu ký và bảo quản tài sản của quỹ đầu tư:

- Thực hiện các hoạt động lưu ký, bảo quản, đăng ký quyền sở hữu các tài sản tài sản của quỹ đầu tư;
- Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền, chứng khoán liên quan đến hoạt động của quỹ đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
- Thực hiện các quyền phát sinh liên quan đến tài sản như cổ tức, lãi định kỳ trái phiếu, cổ phiếu thường, quyền mua cổ phần... thay cho nhà đầu tư.

58

58



Ngân hàng giám sát

Chức năng giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ:

- Giám sát để bảo đảm công ty quản lý quỹ quản lý tài sản của quỹ tuân thủ quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
- Triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật và điều lệ quỹ;
- Thực hiện việc công bố báo cáo giám sát về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ;
- Kiểm tra và giám sát việc định giá tài sản ròng của quỹ.

59

59



Các cơ quan quản lý

Các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm các cơ quan như: Bộ tài chính, ngân hàng trung ương, ủy ban chứng khoán quốc gia... chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của quỹ đầu tư và các tổ chức cung cấp dịch vụ như công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức môi giới, tổ chức kiểm toán...

60

60



Tổ chức kiểm toán và tổ chức khác

Tổ chức kiểm toán độc lập có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan và chính xác tình hình hoạt động của quỹ đầu tư, bảo đảm sự minh bạch.

61

61



6.3.4 Nghiệp vụ cơ bản của quỹ đầu tư

- Huy động vốn
- Hoạt động đầu tư
- Xác định NAV

62

62



➤ Huy động vốn của quỹ dạng công ty và dạng hợp đồng

Đối với các quỹ đầu tư dạng công ty, vốn điều lệ ban đầu của quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Nhà đầu tư mua cổ phần trở thành cổ đông của quỹ và có đầy đủ các quyền giống như cổ đông của công ty cổ phần.

63

63



➤ **Huy động vốn của quỹ dạng công ty và dạng hợp đồng**

Đối với các quỹ đầu tư dạng hợp đồng, vốn đầu tư ban đầu của quỹ cũng được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau gọi là đơn vị quỹ. Chứng nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ gọi là chứng chỉ quỹ, chứng chỉ quỹ có mệnh giá xác định.

64

64



➤ **Huy động vốn của quỹ đóng và quỹ mở**

Đối với quỹ đầu tư dạng đóng, thường chỉ được huy động vốn một lần, chứng chỉ quỹ được chào bán một lần trước khi lập quỹ. Trong thời gian hoạt động quỹ không huy động thêm vốn cũng như không mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành.

65

65



➤ **Huy động vốn của quỹ đóng và quỹ mở**

Đối với quỹ đầu tư dạng mở, hoạt động huy động vốn được tiến hành thường xuyên, quỹ thường xuyên chào bán chứng chỉ quỹ mới để huy động vốn và thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

66

66

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng bao gồm:

- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán tối thiểu năm mươi tỉ đồng Việt Nam;
- Có phương án phát hành và phương án đầu tư số vốn thu được từ đợt chào bán chứng chỉ quỹ phù hợp với quy định của Luật này.

(Khoản 3 Điều 12 Luật Chứng Khoán 2006)

67

67

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng bao gồm:

- Công ty quản lý quỹ đủ vốn theo quy định của pháp luật, không bị kiểm soát hoặc kiểm soát đặc biệt, bị đình chỉ hoặc ngưng hoạt động, đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản
- Không vi phạm quy định về chứng khoán

(Khoản 2 Điều 4 TT 224/2012/TT-BTC)

68

68

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Chào bán bổ sung: Phải đăng ký với UBCK và đáp ứng các điều kiện sau:

> Việc tăng vốn của quỹ đóng phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- ✓ Điều lệ quỹ có quy định việc tăng vốn của quỹ;
- ✓ Lợi nhuận của quỹ trong năm liền trước năm đề nghị tăng vốn phải là số dương;

69

69

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Chào bán bổ sung:

- Công ty quản lý quỹ không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn hai năm, tính đến thời điểm đề nghị tăng vốn;
- Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ đóng phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

70

70

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Chào bán bổ sung:

- Phương án phát hành được đại hội nhà đầu tư thông qua;
- Hồ sơ phát hành được ban đại diện quỹ thông qua;
- Chỉ chào bán cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua tỷ lệ quyền mua, trường hợp nhà đầu tư không mua công ty quản lý quỹ được quyền chào bán

71

71

> Huy động vốn của quỹ đại chúng và thành viên

Đối với quỹ thành viên:

Quỹ thành viên không cần phải đáp ứng các điều kiện hay tuân theo các quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên việc thành lập quỹ thành viên vẫn phải đáp ứng các điều kiện nhất định và phải báo cáo với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

72

72



➤ **Hoạt động đầu tư**

Danh mục đầu tư của quỹ đóng tại Việt Nam:

- Tiền gửi tại NHTM
 - Công cụ thị trường tiền tệ
 - Trái phiếu nhà nước
 - Cổ phiếu và trái phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch tại SGDCK
 - Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết của các công ty hoạt động hợp pháp, cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty TNHH
- (Khoản 2 Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC)⁷³

73



➤ **Hoạt động đầu tư**

Danh mục đầu tư của quỹ mở tại Việt Nam:

- Tiền gửi tại NHTM
 - Công cụ TTTT: ngoại tệ, giấy tờ có giá & công cụ chuyển nhượng
 - Trái phiếu nhà nước
 - Cổ phiếu và trái phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch tại SGDCK
 - Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch bởi các TCPH hoạt động hợp pháp
 - Các chứng khoán sinh tại SGD
- (Khoản 2 Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC)⁷⁴

74



➤ **Hoạt động đầu tư**

Mục tiêu đầu tư:

- **Mục tiêu tăng trưởng vốn (Capital Appreciation)**
- **Mục tiêu thu nhập thường xuyên (Current Income)**
- **Mục tiêu bảo toàn vốn (Capital Preservation)**

75

➤ Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ - NAV

Giá trị tài sản ròng (Net Assets Value – NAV) giúp đánh giá tình hình tài sản của nhà đầu tư và hiệu quả hoạt động đầu tư của quỹ, là một căn cứ quan trọng để nhà đầu tư ra quyết định mua bán chứng chỉ quỹ, là căn cứ để tính toán các khoản phí và khoản thưởng được trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

76

76

➤ Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ - NAV

• Giá trị tài sản ròng (NAV)

NAV = Tổng tài sản có của quỹ – Tổng nợ phải trả của quỹ

• Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV per unit)

$$\text{NAV per unit} = \text{NAV} / N$$

Với N là tổng số chứng chỉ quỹ (hoặc cổ phần) đang lưu hành

77

77

➤ Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ - NAV

Ví dụ 6.1: Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF có các khoản mục như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 2,5 tỷ đồng
- Tổng nợ: 3,25 tỷ đồng
- Các cổ phiếu mà quỹ đang nắm giữ với số lượng và thị giá như sau:

78

78

Ví dụ 6.1:

Tên cổ phiếu	Số lượng	Thị giá
BID	100,000	14,900
DBC	10,000	36,900
VNM	150,000	138,000
VIC	40,000	41,400
PET	70,000	10,500

Hãy xác định:

- NAV của quỹ
- NAV của 1 chứng chỉ quỹ

Biết rằng, tổng số chứng chỉ quỹ hiện đang lưu hành là 1 triệu.
